

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3100130287 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Quảng Bình do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 13 tháng 09 năm 2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ:
Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
Ông Lê Minh Chương	Ủy viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên
Ông Trần Văn Tiến	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019) (i)
Ông Nguyễn Thế Minh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2019) (i)

- (i) Ông Trần Văn Tiến và ông Nguyễn Thế Minh được miễn nhiệm và bỏ nhiệm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2019.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Giám đốc	Chức vụ:
Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Anh Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty bao gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát	Chức vụ:
Ông Trần Văn Ban	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2020

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Anh Dũng

Số: 42/2020/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được lập ngày 26 tháng 03 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Trần Hồng Giang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3893-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.959.531.701	39.849.013.391
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.571.923.216	10.597.902.757
Tiền	111		17.571.923.216	5.597.902.757
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.066.220.240	13.218.926.047
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.351.768.130	6.240.561.034
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.609.730.250	7.002.600.660
Phải thu ngắn hạn khác	136		164.650.000	57.550.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(59.928.140)	(82.885.744)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.100.097
Hàng tồn kho	140	5.6	9.837.041.935	10.168.504.278
Hàng tồn kho	141		9.980.641.702	10.312.104.045
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(143.599.767)	(143.599.767)
Tài sản ngắn hạn khác	150		484.346.310	863.680.309
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	10.900.004	171.566.667
Thuế GTGT được khấu trừ	152		473.446.306	692.113.642
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.166.777.154	195.438.013.343
Các khoản phải thu dài hạn	210		33.000.000	335.715.000
Phải thu dài hạn khác	216		33.000.000	335.715.000
Tài sản cố định	220		180.112.490.914	168.083.340.597
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	179.970.943.542	167.968.217.037
- Nguyên giá	222		378.556.699.036	347.033.778.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.585.755.494)	(179.065.561.199)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	141.547.372	115.123.560
- Nguyên giá	228		404.000.000	351.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(262.452.628)	(235.876.440)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	21.847.760.037	26.318.395.092
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21.847.760.037	26.318.395.092
Tài sản dài hạn khác	260		173.526.203	700.562.654
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	173.526.203	700.562.654
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		241.126.308.855	235.287.026.734

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		60.936.965.944	56.235.205.429
Nợ ngắn hạn	310		27.695.558.006	19.176.491.795
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.784.023.847	1.700.961.081
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.891.986.448	1.577.237.140
Phải trả người lao động	314		7.380.560.459	6.781.563.193
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	782.790.154	934.491.504
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2.258.758.504	2.491.196.938
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	11.059.873.165	5.317.305.695
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		537.545.429	373.736.244
Nợ dài hạn	330		33.241.407.938	37.058.713.634
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	33.241.407.938	37.058.713.634
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.189.342.911	179.051.821.305
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	180.189.342.911	179.051.821.305
Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.302.040.000	172.302.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.302.040.000	172.302.040.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.548.166.996	1.048.166.996
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.339.135.915	5.701.614.309
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.339.135.915	5.701.614.309
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241.126.308.855	235.287.026.734

Quảng Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Đức Vũ



Lê Minh Chương

Lê Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	89.870.206.770	79.913.335.419
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		89.870.206.770	79.913.335.419
Giá vốn hàng bán	11	6.2	71.911.070.719	62.775.294.442
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.959.136.051	17.138.040.977
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	55.784.925	853.020.218
Chi phí tài chính	22	6.4	1.892.811.491	2.014.685.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.892.811.491	2.014.685.000
Chi phí bán hàng	25	6.5	3.513.603.075	2.397.442.869
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.237.345.011	5.519.794.267
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.371.161.399	8.059.139.059
Thu nhập khác	31	6.6	582.758.495	71.102.309
Chi phí khác	32	6.7	30.000.000	955.653.535
Lợi nhuận khác	40		552.758.495	(884.551.226)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.923.919.894	7.174.587.833
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.584.783.979	1.472.973.524
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.339.135.915	5.701.614.309
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	166	155
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	166	155

Quảng Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Đức Vũ



Lê Minh Chương



Lê Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	115.198.914.685	102.514.752.491
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(47.994.389.281)	(23.124.999.752)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(27.420.225.662)	(26.097.879.190)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.044.512.841)	(2.073.110.244)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(259.346.260)	(910.130.283)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.679.353.126	5.853.072.799
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(43.358.808.790)	(34.273.208.689)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.800.984.977	21.888.497.132
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.090.449.317)	(37.352.926.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	95.854.545
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.784.925	853.020.218
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	965.335.608	(36.404.051.709)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.468.839.497	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.543.577.723)	(5.317.305.696)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.717.561.900)	(1.412.876.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	207.699.874	(6.730.182.424)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.974.020.459	(21.245.737.001)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.597.902.757	31.843.639.758
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.571.923.216	10.597.902.757

Quảng Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT






Nguyễn Đức Vũ

Lê Minh Chương

Lê Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3100130287 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Quảng Bình do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 13 tháng 09 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: 172.302.040.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm linh hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 210 người (31 tháng 12 năm 2018 là 210 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề
1	Văn phòng Công ty Cổ Phần Cấp Nước Quảng Bình	Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
2	Chi nhánh cấp nước Đồng Hới	Ngõ 55 Lê Thành Đồng - Phường Hải Thành, TP Đồng hới, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
3	Chi nhánh cấp nước Ba Đồn	Khu phố 1, Phường Ba Đồn, TX Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
4	Trạm cấp nước Hoàn Lão	TK2 - TT Hoàn Lão - Huyện Bố Trạch -Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
5	Trạm cấp nước Kiến Giang	Thôn Quy Hậu - Xã Liên Thủy - Huyện Lệ Thủy - Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
6	Trạm cấp nước Quy Đạt	Xã Yên Hoá - TT Quy Đạt - Huyện Minh Hoá - Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
7	Trạm cấp nước Đồng Lê	TK 2 - TT Đồng Lê - Huyện Tuyên Hoá - Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
8	Trạm cấp nước TTNT Việt Trung	TK 3 - TT NT Việt Trung - Huyện Bố Trạch - Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
9	Trạm cấp nước Quán Hàu	TK 4 - TT Quán Hàu - Huyện Quảng Ninh - Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	Số năm
- Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 20
- Máy móc, thiết bị	03 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Các phần mềm quản lý giám sát được trích khấu hao theo đường thẳng từ 5-6 năm.

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ, chi phí thuê tài sản, chi phí sửa chữa thường xuyên và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay và chi phí bảo lãnh khoản vay của chính phủ. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng. Thời điểm xác định doanh thu nước sạch là ngày xác nhận chỉ số đồng hồ nước được ghi trên hóa đơn tính tiền nước;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế GTGT của Công ty cho hoạt động cung cấp nước là 5%.

Dịch vụ lắp đặt ống nhánh do Công ty cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.17 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

==
VAC
==
NI
HIỆ
T
JÀ
==

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và tương đương tiền**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt	692.739.241	327.250.397
Tiền gửi ngân hàng (*)	16.879.183.975	5.270.652.360
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	17.571.923.216	10.597.902.757

Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		692.739.241
Cộng		692.739.241

(*) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		16.879.183.975
Ngân hàng TMCP Công thương – CN Quảng Bình		8.400.813.803
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quảng Bình		2.625.203.016
Ngân hàng NN và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Quảng Bình		2.112.375.393
Ngân hàng khác		3.740.791.763
Ngoại tệ	-	-
Cộng		16.879.183.975

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.000.000.000
Cộng	-	5.000.000.000

5.3. Phải thu khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.351.768.130	6.240.561.034
Phải thu tiền nước của khách hàng	5.351.768.130	6.240.561.034
b) Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
Cộng	5.351.768.130	6.240.561.034

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Trả trước người bán ngắn hạn	5.609.730.250	7.002.600.660
Công ty TNHH Xây dựng Minh Hà	1.245.751.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Tối Ưu Mạng Nước	-	740.000.000
Công ty Cổ Phần Tư Vấn và Đầu Tư Xây Dựng An Bình	557.473.000	292.483.000
Công ty Cổ Phần HAWACO	2.373.150.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.433.356.250	970.117.660
b) Trả trước người bán dài hạn	-	-
Cộng	5.609.730.250	7.002.600.660

5.5. Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	59.928.140	82.885.744
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
Từ 1 năm đến 2 năm	-	-
Từ 2 năm đến 3 năm	-	-
Trên 3 năm	59.928.140	82.885.744
Xí nghiệp chế biến Nông Thủy Hải sản Xuất khẩu	25.043.117	50.043.117
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Quảng Bình	14.861.748	14.861.748
Công ty Xây dựng Lũng Lô	10.255.667	10.255.667
Đối tượng khác	9.767.608	7.725.212

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.978.006.702	143.599.767	10.312.104.045	143.599.767
Công cụ, dụng cụ	2.635.000	-	-	-
Cộng	9.980.641.702	143.599.767	10.312.104.045	143.599.767

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	99.341.909.427	22.642.971.684	225.015.351.671	33.545.454	347.033.778.236
Mua trong năm	-	2.546.470.000	-	-	2.546.470.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	257.903.637	-	28.718.547.163	-	28.976.450.800
Số dư tại ngày 31/12/2019	99.599.813.064	25.189.441.684	253.733.898.834	33.545.454	378.556.699.036
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	53.291.951.134	12.814.996.520	112.950.040.816	8.572.729	179.065.561.199
Khấu hao trong năm	4.480.804.736	1.834.787.532	13.197.892.935	6.709.092	19.520.194.295
Số dư tại ngày 31/12/2019	57.772.755.870	14.649.784.052	126.147.933.751	15.281.821	198.585.755.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	46.049.958.293	9.827.975.164	112.065.310.855	24.972.725	167.968.217.037
Tại ngày 31/12/2019	41.827.057.194	10.539.657.632	127.585.965.083	18.263.633	179.970.943.542

Trong đó:

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 41.282.933.529 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 39.132.035.152 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 8.630.305.059 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 0 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	351.000.000	351.000.000
Mua trong năm	53.000.000	53.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	404.000.000	404.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	235.876.440	235.876.440
Khấu hao trong năm	26.576.188	26.576.188
Số dư tại ngày 31/12/2019	262.452.628	262.452.628
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2019	115.123.560	115.123.560
Tại ngày 31/12/2019	141.547.372	141.547.372

Trong đó: Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 175.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 175.000.000 đồng).

5.9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mở rộng nâng cấp HTCN 5 xã và KCN Áng Sơn, Khu Du Lịch nghỉ dưỡng sinh thái FLC	-	14.179.193.356
- Cải tạo Hệ thống cấp nước khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng	8.776.675.971	7.304.682.458
- Mạng cấp 3 TT Hoàn Lão Kiến Giang, TTNT Việt Trung Quảng Trạch 2018	-	2.923.316.232
- Nâng cấp HTCN Kiến Giang Năm 2018	-	709.956.084
- Sửa chữa trụ sở văn phòng Công ty	10.842.857.225	886.648.726
- Các công trình khác	2.228.226.841	314.598.236
Cộng	21.847.760.037	26.318.395.092

5.10. Chi phí trả trước

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	10.900.004	171.566.667
Chi phí thuê văn phòng	-	80.000.000
Các chi phí khác	10.900.004	91.566.667
b) Dài hạn	173.526.203	700.562.654
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	87.247.474	216.309.465
Chi phí mua bảo hiểm	8.295.231	24.385.319
Chi phí trả trước dài hạn khác	77.983.498	459.867.870
Cộng	184.426.207	872.129.321

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.11. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
a) Ngắn hạn	2.784.023.847	2.784.023.847	1.700.961.081	1.700.961.081
Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai	1.430.048.840	1.430.048.840	-	-
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Bình	357.063.000	357.063.000	360.780.000	360.780.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	187.562.859	187.562.859	187.562.859	187.562.859
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Phương Hà	31.045.100	31.045.100	207.094.100	207.094.100
Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Quảng Bình	-	-	318.136.000	318.136.000
Công ty TNHH Hoá Nhựa Đệ Nhất - CN Hải Dương	-	-	218.223.500	218.223.500
Phải trả các đối tượng khác	778.304.048	778.304.048	409.164.622	409.164.622
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.784.023.847	2.784.023.847	1.700.961.081	1.700.961.081

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019		Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Giá trị (VND)	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
a) Các khoản phải nộp						
Thuế giá trị gia tăng	-	5.009.410.411	-	5.009.410.411	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.561.272.676	1.584.783.979	-	259.346.260	235.834.957	235.834.957
Thuế Thu nhập cá nhân	-	227.167.255	-	258.867.255	31.700.000	31.700.000
Thuế tài nguyên	36.409.280	513.729.600	-	514.279.040	36.958.720	36.958.720
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	322.766.718	-	322.766.718	-	-
Thuế môn bài	-	11.000.000	-	11.000.000	-	-
Phí BVMT đối với nước thải	1.294.304.492	21.482.768.109	-	21.461.207.080	1.272.743.463	1.272.743.463
Cộng	2.891.986.448	29.151.626.072	27.836.876.764	27.836.876.764	1.577.237.140	1.577.237.140

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	782.790.154	934.491.504
Trích trước chi phí lãi vay	782.790.154	934.491.504
b) Dài hạn	-	-
Cộng	782.790.154	934.491.504

5.14. Phải trả khác

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	2.258.758.504	2.491.196.938
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	4.436.557
Kinh phí công đoàn	88.443.154	147.692.003
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	653.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.517.315.350	2.339.068.378
<i>Trong đó:</i>		
+ Ban Quản lý Dự án Cấp nước & Vệ sinh Thành phố Đồng Hới	-	577.959.004
+ Phí nước thải	936.795.863	884.741.745
+ Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Thành Phố Đồng Hới	156.201.178	-
+ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Quảng Bình	383.678.680	349.728.000
+ Phải trả, phải nộp khác	40.639.629	526.639.629
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.258.758.504	2.491.196.938

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.15. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.742.567.470	5.742.567.470	10.968.839.497	5.226.272.027	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	5.742.567.470	5.742.567.470	10.968.839.497	5.226.272.027	-	-
Cộng vay ngắn hạn	5.742.567.470	5.742.567.470	10.968.839.497	5.226.272.027	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	5.317.305.695	5.317.305.695			5.317.305.695	5.317.305.695
Tổng	11.059.873.165	11.059.873.165			5.317.305.695	5.317.305.695

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 826/2019/VCB.KHDN ngày 24 tháng 05 năm 2019, hạn mức cho vay là 9 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức cho vay là từ ngày 24 tháng 05 năm 2019 đến ngày 24 tháng 05 năm 2020. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2019 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	38.558.713.633	38.558.713.633	1.500.000.000	5.317.305.696	42.376.019.329	42.376.019.329
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	37.058.713.633	37.058.713.633	-	5.317.305.696	42.376.019.329	42.376.019.329
Chi nhánh Quảng Bình (ii)						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương						
Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	-
(iii)						
Cộng	38.558.713.633	38.558.713.633	1.500.000.000	5.317.305.696	42.376.019.329	42.376.019.329
Phân loại sang vay ngắn hạn	(5.317.305.695)	(5.317.305.695)			(5.317.305.695)	(5.317.305.695)
Cộng	33.241.407.938	33.241.407.938			37.058.713.634	37.058.713.634

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam từ nguồn vốn vay ODA để thực hiện dự án "Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã" được ký kết lại giữa Bộ Tài chính và Công ty theo Hiệp định vay phụ ngày 28 tháng 8 năm 1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ký ngày 28 tháng 04 năm 2008 với giá trị gốc vay là 69.904.158.089 đồng với thời hạn vay 25 năm, thời gian ân hạn là 05 năm, lãi suất 5%/năm.

(iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 877/2019/VCB.KHDN ngày 31 tháng 10 năm 2019; thời hạn cho vay là 07 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay là Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án, lãi suất cho vay là trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên (margin), được xác định các bên ký hợp đồng tín dụng và được điều chỉnh ngay khi có thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam khi có thay đổi. Tài sản bảo đảm là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 688/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 11 tháng 06 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Từ 01 năm trở xuống	5.317.305.695	5.317.305.695
Trên 01 năm đến 05 năm	21.269.222.780	21.269.222.780
Trên 05 năm	11.972.185.158	15.789.490.854
Cộng	38.558.713.633	42.376.019.329
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	5.317.305.695	5.317.305.695
Số phải trả sau 12 tháng	33.241.407.938	37.058.713.634

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN**5.16. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2018	172.302.040.000	813.166.996	4.678.104.330	177.793.311.326
Lãi trong năm trước	-	-	5.701.614.309	5.701.614.309
Chia cổ tức	-	-	(1.412.876.728)	(1.412.876.728)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	235.000.000	(235.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.030.227.602)	(3.030.227.602)
Số dư tại ngày 01/01/2019	172.302.040.000	1.048.166.996	5.701.614.309	179.051.821.305
Lãi trong năm nay	-	-	6.339.135.915	6.339.135.915
Chia cổ tức (*)	-	-	(1.723.020.400)	(1.723.020.400)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(3.478.593.909)	(3.478.593.909)
Số dư tại ngày 31/12/2019	172.302.040.000	1.548.166.996	6.339.135.915	180.189.342.911

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2019 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018: Trích Quỹ đầu tư phát triển 500.000.000 đồng; trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.478.593.909 đồng; chia cổ tức: 1.723.020.400 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
UBND tỉnh Quảng Bình	113.815.040.000	113.815.040.000
Vốn cổ đông khác	58.487.000.000	58.487.000.000
Cộng	172.302.040.000	172.302.040.000

Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.230.204	17.230.204
Số lượng cổ phiếu do Nhà nước nắm giữ	11.381.504	11.381.504
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.848.700	5.848.700
+ Cổ phiếu phổ thông	17.230.204	17.230.204
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.230.204	17.230.204
+ Cổ phiếu phổ thông	17.230.204	17.230.204
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước sạch	79.555.366.582	72.935.225.868
Doanh thu lắp đặt ống nhánh	9.153.770.921	6.822.639.980
Doanh thu khác	1.161.069.267	155.469.571
Cộng	89.870.206.770	79.913.335.419

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sạch	63.186.584.250	57.160.284.247
Giá vốn lắp đặt ống nhánh	7.592.202.531	5.323.681.264
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	143.599.767
Giá vốn của hoạt động khác	1.132.283.938	147.729.164
Cộng	71.911.070.719	62.775.294.442

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	55.784.925	853.020.218
Cộng	55.784.925	853.020.218

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền vay	1.892.811.491	2.014.685.000
Cộng	1.892.811.491	2.014.685.000

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương quản lý	1.958.400.000	1.958.400.000
Chi phí vật liệu quản lý	72.741.221	64.531.179
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	294.272.332	332.514.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.181.905.090	1.917.250.840
Chi phí bằng tiền khác	1.752.983.972	1.247.097.546
Hoàn nhập dự phòng	(22.957.604)	-
Cộng	5.237.345.011	5.519.794.267
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu	3.513.603.075	2.397.442.869
Cộng	3.513.603.075	2.397.442.869

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thu từ thanh lý vật tư	-	68.446.313
Xử lý vật tư kiểm kê thừa	4.799.491	2.655.996
Công nợ phải trả không còn phải chi trả	577.959.004	-
Cộng	582.758.495	71.102.309

6.7 Chi phí khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	696.723.588
Chi phí phá dỡ thu hồi trụ sở Công ty	-	81.872.727
Chi phí hỗ trợ kinh phí khắc phục hạn hán	-	106.200.000
Các khoản phải nộp theo Quyết định thanh tra tài chính	-	64.619.560
Phạt vi phạm hành chính	30.000.000	6.237.660
Cộng	30.000.000	955.653.535

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.923.919.894	7.174.587.833
Các khoản điều chỉnh tăng	-	178.617.359
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	178.617.359
Thu nhập chịu thuế	7.923.919.894	7.353.205.192
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	1.584.783.979	1.470.641.038
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	2.332.486
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.584.783.979	1.472.973.524

6.9 Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.339.135.915	5.701.614.309
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	3.478.593.909	3.030.227.602
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.860.542.006	2.671.386.707
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.230.204	17.230.204
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	166	155
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	166	155

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.636.629.525	10.391.099.315
Chi phí nhân công	26.698.148.946	28.676.123.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.546.747.940	18.828.324.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.817.213.331	4.430.427.278
Chi phí khác bằng tiền	11.986.236.667	9.741.672.908
Cộng	80.684.976.409	72.067.647.191

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 12.468.839.497 VND.

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 10.543.577.723 VND.

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động lắp đặt ống nhánh và bộ phận sản xuất và cung cấp nước sạch. Tuy nhiên, doanh thu của bộ phận lắp đặt ống nhánh chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số 6.1). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 81 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Đồng thời, Công ty hoạt động trong phạm vi tỉnh Quảng Bình và không có công ty con nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

8.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Đơn vị tính: VND		
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.571.923.216	-	17.571.923.216
Phải thu khách hàng	5.351.768.130	-	5.351.768.130
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	164.650.000	33.000.000	197.650.000
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(59.928.140)	-	(59.928.140)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	23.028.413.206	33.000.000	23.061.413.206
Ngày 31/12/2019			
Các khoản vay và nợ	11.059.873.165	33.241.407.938	44.301.281.103
Phải trả người bán	2.784.023.847	-	2.784.023.847
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	3.041.548.658	-	3.041.548.658
Tổng cộng	16.885.445.670	33.241.407.938	50.126.853.608
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.142.967.536	(33.208.407.938)	(27.065.440.402)
Ngày 01/01/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.597.902.757	-	10.597.902.757
Phải thu khách hàng	6.240.561.034	-	6.240.561.034
Đầu tư	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khác	57.550.000	335.715.000	393.265.000
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(82.885.744)	-	(82.885.744)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	21.813.128.047	335.715.000	22.148.843.047
Ngày 01/01/2019			
Các khoản vay và nợ	5.317.305.695	37.058.713.634	42.376.019.329
Phải trả người bán	1.700.961.081	-	1.700.961.081
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	3.425.688.442	-	3.425.688.442
Tổng cộng	10.443.955.218	37.058.713.634	47.502.668.852
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.369.172.829	(36.722.998.634)	(25.353.825.805)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	5.549.418.130	6.633.826.034	5.549.418.130	5.549.418.130	6.633.826.034
<i>Phải thu khách hàng</i>	5.351.768.130	6.240.561.034	5.351.768.130	5.351.768.130	6.240.561.034
<i>Phải thu khác</i>	197.650.000	393.265.000	197.650.000	197.650.000	393.265.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.571.923.216	15.597.902.757	17.571.923.216	17.571.923.216	15.597.902.757
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	-	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	17.571.923.216	10.597.902.757	17.571.923.216	17.571.923.216	10.597.902.757
Tổng cộng	23.121.341.346	22.231.728.791	23.121.341.346	23.121.341.346	22.231.728.791
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính					
<i>Vay và nợ</i>	44.301.281.103	42.376.019.329	44.301.281.103	44.301.281.103	42.376.019.329
<i>Phải trả người bán</i>	2.784.023.847	1.700.961.081	2.784.023.847	2.784.023.847	1.700.961.081
<i>Phải trả khác</i>	3.041.548.658	3.425.688.442	3.041.548.658	3.041.548.658	3.425.688.442
Tổng cộng	50.126.853.608	47.502.668.852	50.126.853.608	50.126.853.608	47.502.668.852

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.3 Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thu nhập và thưởng Ban Giám đốc	806.400.000	806.400.000
Phụ cấp và thưởng HĐQT, BKS	1.152.000.000	1.152.000.000
Cộng	1.958.400.000	1.958.400.000

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Đức Vũ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Minh Chương

CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Anh Dũng